

Gia Phúc, ngày 15 tháng 9 năm 2025

CÔNG KHAI CÁCH HOẠT ĐỘNG TRONG TRƯỜNG MẦM NON
(THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03/06/2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Mầm non Hồng Hưng.

1.2. Địa chỉ

Địa chỉ (trụ sở chính): Thôn Cát Hậu, xã Gia Phúc, TP Hải Phòng

Điện thoại:

Email: mamnonhonghung@gmail.com

Website: <https://gl-mnhonghung.haiduong.edu.vn>

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục:

Trường mầm non công lập

1.4. Sự mạng, tầm nhìn, mục tiêu

*** Sự mạng**

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn, là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tính cách tự lập có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

*** Tầm nhìn:**

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ giúp con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa phương, là lựa chọn đầu tiên cho các bậc phụ huynh có con trong độ tuổi mầm non.

*** Mục tiêu**

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả.

1.5. Quá trình thành lập và phát triển

Trường Mầm non Hồng Hưng được thành lập từ năm 1964 được gọi là trường Mẫu giáo – nhà trẻ, sau đó chuyển thành trường Mầm non bán công Hồng Hưng, đến năm 2012 được UBND tỉnh Hải Dương chuyển từ trường bán công sang trường công lập theo quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 18/7/2012 của UBND tỉnh Hải Dương quyết định chuyển đổi toàn bộ trường MN bán công sang công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong năm 2012.

Trường có 1 điểm chính tại Thôn Cát Hậu và 1 điểm lẻ tại thôn Phương Khê xã Gia Phúc, TP Hải Phòng.

Trên 60 năm thành lập và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Chi ủy, Chi chi bộ được đảng ủy xã Hồng Hưng đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024. Được Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Gia Lộc tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” năm học 2024-2025. Chi bộ trường Mầm non Hồng Hưng đã thực hiện tốt việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Tập thể Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ, Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiệt tình trong công tác, có tinh thần trách nhiệm trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

Năm học 2024 - 2025 nhà trường được công nhận danh hiệu tập thể “Lao động tiên tiến”; xếp thứ 21/22 trường MN trong toàn huyện; 06 cô giáo đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 01 cô giáo được tặng “Giấy khen” và 01 cô giáo đạt “Giáo viên dạy giỏi” cấp huyện.

1.6. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên người đại diện bà: Nguyễn Thị Tâm

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ: Thôn Cát Hậu, xã Gia Phúc, TP Hải Phòng

Điện thoại: 0984 962 928

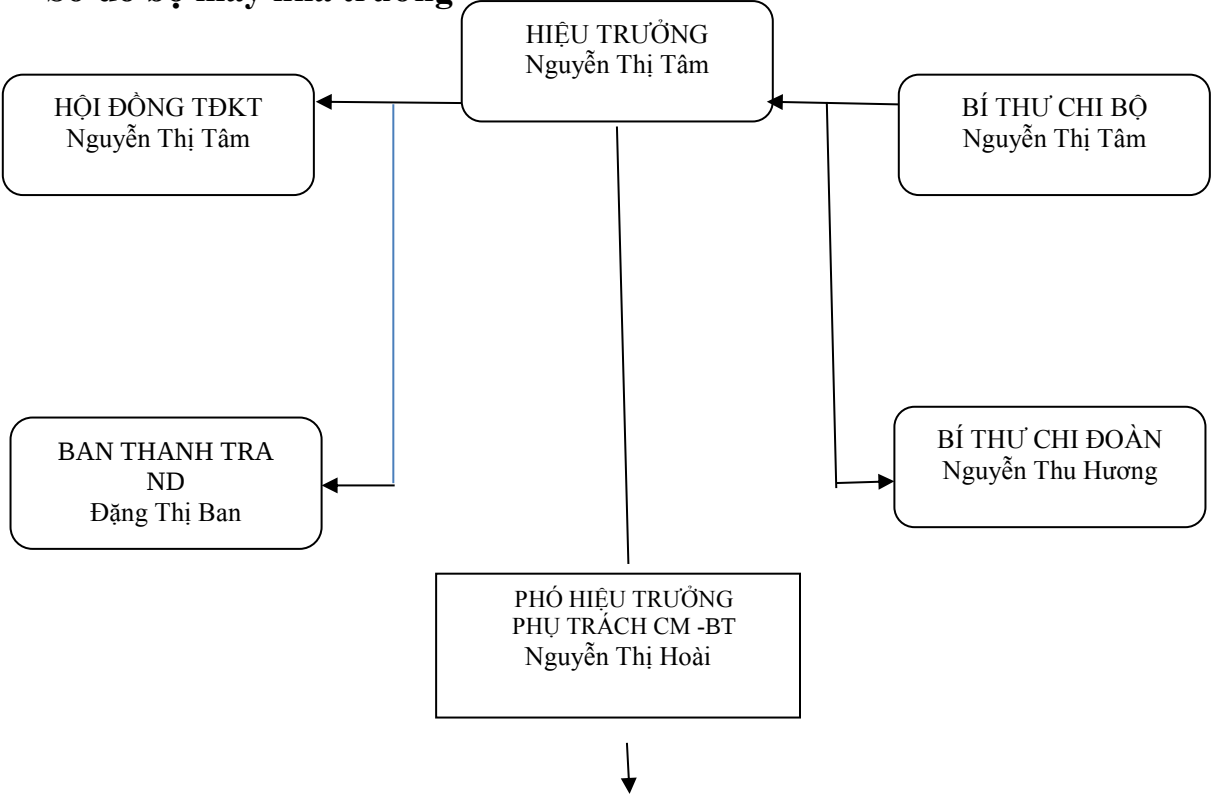
1.7. Tổ chức bộ máy.

- Quyết định số 4508/QĐ-UBND ngày 17 tháng 06 năm 2008 về việc đổi tên Trường mầm non bán công Hồng Hưng thành trường mầm non Hồng Hưng.

- Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Gia Lộc về việc điều động, luân chuyển và bổ nhiệm chức danh Hiệu trưởng Mầm non Hồng Hưng bà Nguyễn Thị Tâm.

- Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 01 tháng 08 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Gia Lộc về việc luân chuyển và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Hồng Hưng bà Nguyễn Thị Hoài

Sơ đồ bộ máy nhà trường



TỔ NHÀ TRẺ	TỔ 3 TUỔI	TỔ 4 TUỔI	TỔ 5 TUỔI	TỔ VĂN PHÒNG	CẤP DƯỠNG	BẢO VỆ
1. Đặng Thị Ban - TT	1. Hà Thị Thúy - TT	1. Nguyễn Thị Thu - TT	1. Lê Thị Thoa - TT	1. Vũ Thị Phương - TT	1. Phạm Cao Lạng	1. Nguyễn Đức Đoàn
2. Phạm Minh Châu	2. Lê Thị Oanh	2. Nguyễn Thị Lý	2. Phạm Thị Bến	2. Nguyễn Đức Đoàn	2. Lê Thị Xuân	
3. Nguyễn Thị Hòa	3. Phạm Thị Thức	3. Đặng Thị The	3. Phạm Thị Nhân	3. Phạm Cao Lạng	3. Nguyễn Thị Hoàn	
4. Nguyễn Thị Mai 1996	4. Nguyễn Thu Hằng	4. Nguyễn Thị Nôn	4. Vũ Thị Hoa	4. Lê Thị Xuân		
5. Nguyễn Thị Lan 72	5. Nguyễn Thị Mến	5. Vũ Thị Nguyệt - TP	5. Phạm Thị Mắm	5. Nguyễn Thị Hoàn		
6. Phạm Thị Trang	6. Nguyễn Thị Lụa - TP	6. Nguyễn Thị Mai 93	6. Nguyễn Thu Hương			
7. Nguyễn Thị Lan 71 - TP	7. Phạm Thị Ánh	7. Nguyễn Thị Oanh	7. Nguyễn Thị Hồng Huệ			
8. Nguyễn Thị Nhung	8. Phạm Thị Huyền	8. Phạm thị Lor				

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

2.1. Số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2025 – 2026

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			ĐH	CĐ	TC	<TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	38	28	6	1	03		14	20	15	16		
I	Giáo viên	31	25	6			0	13	18	15	16		
1	Nhà trẻ	8	4	4			0	7	1	5	3		
2	Mẫu giáo	23	21	02			0	6	17	10	13		
II	Cán bộ quản lý	2	2				0	0	2		2		
1	Hiệu trưởng	1	1						1		1		
2	Phó hiệu trưởng	1	1					0	1		1		
III	Nhân viên	5	1		1	3		01	0				
1	Nhân viên văn thư												
2	Nhân viên kế toán	1	1					01					
3	Thủ quỹ												
4	Nhân viên y tế	0											
5	Nhân viên khác	4			1	3							

2.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2024 -2025	Ghi chú
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	2	
	Tỷ lệ	100%	
2	Giáo viên		
	Số lượng	31	
	Tỷ lệ	100%	

2.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2024 -2025	Ghi chú
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	2	
	Tỷ lệ	100%	
2	Giáo viên		
	Số lượng	31	
	Tỷ lệ	100%	

3	Nhân viên		
	Số lượng	4	
	Tỷ lệ	100%	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Thông tin cơ sở vật chất, năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	15	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	15	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	6844,4	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)		
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	810	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	108	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	192	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	391	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	45	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	45	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	203	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	15	15/15
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	5	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	06	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Tivi	15	1tivi/lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	0	
3	Máy photo	0	

4	Catsset	0	
5	Đầu Video/đầu đĩa	0	
6	Máy in	4	
7	Bàn ghế đúng quy cách	172 bàn và 388 ghế	Nhà trẻ và mẫu giáo

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	2		15		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					

(*Theo Quyết định số [14/2008/QĐ-BGDĐT](#) ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số [27/2011/TT-BYT](#) ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

Năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Kết quả	Ghi chú
I	Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá	- Tự đánh giá trường đang phấn đấu năm 2027 đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và kiểm định cấp độ 3	
II	Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian, kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hàng năm	- Năm 2017 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Hải Dương theo quyết (Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 23/01/2017) và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 của Sở Giáo dục & Đào tạo Hải Dương theo giấy chứng nhận (Giấy chứng nhận số 1015/GCN-SGD&ĐT ngày 23/05/2014) - Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hàng năm:	

		-Nhà trường phấn đấu duy trì nâng cao các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng cấp độ 3	
--	--	--	--

V. KẾT QUẢ VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

5.1. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ		Mẫu giáo		
			13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	290	0	66	68	56	100
1	Số trẻ em nhóm ghép	0					
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0					
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	290	0	66	68	56	100
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0					
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	290		66	68	56	100
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	260		39	66	55	100
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	290	0	66	68	56	100
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	290	0	66	68	56	100
1	Số trẻ cân nặng bình thường	290	0	66	68	56	100
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân						
	Số trẻ có cân nặng cao hơn bình thường						
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	288	0	66	66	56	100
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	2			2		
5	Số trẻ thừa cân béo phì						
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục						
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	66	0	66	0	0	0
2	Chương trình giáo dục MG	222	0	0	66	56	100
VII	Kết quả thực hiện PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi	100					100

1	Tổng số trẻ 5 tuổi (trẻ)	120
2	Tỷ lệ phổ cập trẻ 5 tuổi %	100%
VIII	Số trẻ em khuyết tật	0

2. Thông tin về kết quả tài chính năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
1	Tình hình tài chính(các khoản thu phân theo)		
	- Nguồn kinh phí		
	- Chi tiền lương và thu nhập	5.630.318.442	6.482.147.000
	- Chi cơ sở vật chất và các dịch vụ	156.065.058	403.700.000
	- Chi hỗ trợ người học	0	
	- Chi khác	40.000.000	48.800.000
2	- Các khoản thu và mức thu đối với người học (Bao gồm học phí, lệ phí, và tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí nếu có trong năm học	2.419.879.997	1.823.187.260
3	- Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa	49.817.500	55.910.000
4	- Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù	0	0

5.2. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong Năm học 2025 – 2026

1. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh.

- Tổng số: 15 nhóm, lớp (trong đó: 04 nhóm nhà trẻ; 15 lớp mẫu giáo);
- Huy động:
 - + Nhà trẻ huy động 65/181 cháu đạt 35/9%;
 - + Mẫu giáo huy động 224/304 cháu đạt 73,68%;
 - + Huy động 72/121 đạt 59,5% trẻ 5 tuổi ra lớp.
- Thời gian tuyển sinh trẻ năm học 2025 - 2026 bắt đầu từ ngày 05/08/2025
- Phương thức tuyển sinh: Trực tiếp nộp hồ sơ về nhà trường.

2. Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tỷ lệ trẻ đến trường ăn bán trú đạt 100%;
- Trẻ học 2 buổi /ngày đạt 100%
- Bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của tổ chức y tế Thế giới.
- Tỷ lệ trẻ có cân nặng, chiều cao bình thường đạt từ 99.5% trở lên.
- 2/2 bếp ăn đảm bảo an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm
- 100% phòng học phải sạch sẽ, thoáng mát, đủ ánh sáng, có đủ nước uống hợp vệ sinh, nhiệt độ phù hợp với trẻ theo mùa trong năm
- 100% trẻ đến trường có đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân như: khăn mặt, cốc uống nước...đảm bảo an toàn và được sử dụng thường xuyên, riêng biệt.
- 16/16 nhóm, lớp thực hiện tốt chủ đề năm học “Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương”. Giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, phân loại rác thải để bảo vệ môi trường.
- Tiếp tục thực hiện mô hình điểm chuyên đề “nâng cao chất lượng bếp ăn bán trú” trong trường mầm non.

3. Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- Năm 2025 nhà trường tiếp tục đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

Nơi nhận:

- BGH; các tổ CM, GV, NV;
- Đăng trên trang Website trường;
- Lưu: Hồ sơ của trường./.



Nguyễn Thị Tâm